

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-PT

Ngày: 07/12/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng hộ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Đình Phương

*Các Thẩm phán:*

Bà Võ Thị Trâm

Ông Trần Hữu Viên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hộ*”.

Do Bản án sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Hàn T (tên gọi khác: L), sinh năm 1962

Địa chỉ: xã SN, thị xã N, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Nguyễn Phong H, sinh năm 1995. Địa chỉ: phường GN, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

\* Bị đơn: Bà Dương Thị D (tên gọi khác: B), sinh năm 1962. Địa chỉ: xã SN, thị xã N, Khánh Hòa. Có mặt.

\*Người kháng cáo: Bị đơn bà Dương Thị D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phong H trình bày:**

Bà Hàn T làm chủ cái huê, hộ tại địa phương. Năm 2019 và 2020, bà T và bà Dương Thị D có chơi huê với nhau. Bà D có chơi ba đầu huê theo Giấy ghi đầu huê xô ngày 20/01/2020 gồm có 22 phần huê, Giấy ghi đầu huê xô ngày

15/6/2019 gồm có 23 phần huê và Giấy ghi đầu huê xỏ ngày 10/8/2019 gồm có 22 phần huê. Sau khi đường dây huê kết thúc thì bà D còn nợ tiền huê chưa đóng của 03 phần huê cho bà T tổng cộng là 35.000.000 đồng và viết Giấy xác nhận theo Giấy nợ tiền đề ngày 25/3/2021 âm lịch và Giấy nợ tiền 20.000.000 đồng đề ngày 10/4/2021 và 20/4/2021.

Bà T đã nhiều lần yêu cầu và thông báo cho bà D việc trả số tiền trên nhưng bà D không chịu trả nên bà T khởi kiện yêu cầu bà D phải trả lại tổng số tiền 55.000.000 đồng một lần và không yêu cầu tính lãi.

**\* Bị đơn bà Dương Thị D trình bày:**

Bà và bà T có chơi huê với nhau, bà là con huê. Năm 2019 và 2020, bà có chơi ba đầu huê như bà T trình bày. Bà xác nhận chỉ còn nợ lại tiền huê chưa đóng là 35.000.000 đồng và có viết Giấy xác nhận theo giấy nợ tiền đề ngày 25/3/2021 âm lịch và Giấy nợ tiền 20.000.000 đồng. Bà đã trả cho bà T 20.000.000 đồng theo giấy có dòng chữ trừ 20 còn 35 tờ giấy ghi đầu huê số ngày 20/01/2020 (dòng chữ này do bà ghi trên sổ theo dõi của bà việc đóng huê). Nay nguyên đơn yêu cầu trả số tiền 55.000.000 đồng thì bà chỉ đồng ý trả 35.000.000 đồng, còn 20.000.000đ đồng thì bà không đồng ý trả vì bà đã trả rồi.

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, 91, 92, 147, 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Dương Thị D phải trả cho bà Hàn T 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/7/2022, bị đơn bà Dương Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn xác định số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn 55.000.000đồng. Chứng cứ bị đơn cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm giấy trả 30.000.000đồng là bị đơn trả cho khoản nợ khác mà nguyên đơn đã xác định khoản nợ này đã trả xong nên không khởi kiện giấy nợ này.

- Bị đơn cho rằng tại giai đoạn phúc thẩm xuất trình chứng cứ mới chứng minh đã thanh toán cho nguyên đơn 30.000.000đồng và chỉ còn nợ lại 25.000.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Tài liệu chứng cứ của bị đơn cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 15/7/2022, Tòa án nhân dân thị xã N xét xử vụ án. Ngày 26/7/2022, bà Dương Thị D kháng cáo Bản án sơ thẩm. Như vậy, kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo quy định.

### **[2] Về nội dung:**

Từ năm 2019 đến năm 2020, bà Hàn T làm chủ cái huê nên bà Dương Thị D (còn gọi là B) tham gia chơi ba đầu huê. Sau khi kết thúc ba đầu huê nêu trên bà T và bà D chốt số tiền bà D còn nợ là 55.000.000đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà D trả cho bà T 55.000.000đồng như nêu trên, không yêu cầu lãi suất. Tuy nhiên, bà D cho rằng đã trả cho bà T 20.000.000đồng và chỉ còn nợ lại 35.000.000đồng; tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn 30.000.000đồng theo giấy xác nhận ngày 11/5/2021 và chỉ còn nợ lại 25.000.000đồng.

### **[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo:**

- Đối với giấy nợ tiền ngày 25/3/2021: Bà Dương Thị D thừa nhận số tiền còn nợ của bà T là 35.000.000đồng nên buộc bà D phải trả cho bà T số tiền này là có cơ sở.

- Đối với giấy nợ tiền ngày 10/4/2021 và 20/4/2021: Bà D thừa nhận số tiền nợ là 20.000.000đồng và chữ ký trong giấy nợ đúng là của bà D. Tuy nhiên bà D căn cứ vào sổ tay ghi nhớ lịch trả nợ của chính bà D có ghi chú trừ 20.000.000đồng để cho rằng bà D đã thanh toán cho bà T, đồng thời tại Biên bản hòa giải ngày 12/4/2022, bà D cũng thừa nhận việc ghi trừ 20.000.000đồng là chính tay bà tự ghi không được xác nhận của bà T. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc bà D tự ghi trừ 20.000.000đồng không được sự xác nhận của bà T và không có chứng cứ chứng minh được việc bà đã thanh toán số tiền này cho bà T nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đối với số tiền này.

- Bị đơn cho rằng đã trả 30.000.000đồng vào ngày 11/5/2021. Qua xem xét chứng cứ bị đơn cung cấp cho thấy số tiền này bị đơn trả cho nguyên đơn theo giấy nợ ngày 08/02/2021 (A1) là 30 triệu. Do đó, bị đơn trả số tiền này không liên quan đến số tiền nguyên đơn khởi kiện theo 02 giấy nợ trên nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

**[3] Về án phí dân sự:** Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:*

*- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Tuyên xử:**

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Dương Thị D phải trả cho bà Hàn T 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

**\* Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.750.000đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005094 ngày 03/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

**\* Quy định:** Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Tx. N;
- Chi cục THADS Tx. N;
- Lưu: Tòa DS, VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Đình Phương**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 07 tháng 12 năm 2022

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Đình Phương**

Các Thẩm phán: Bà **Võ Thị Trâm**

Ông **Trần Hữu Viên**

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 55/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng huê họ*” giữa:

\* Nguyên đơn: Bà Hàn T (tên gọi khác: L), sinh năm 1962

Địa chỉ: xã SN, thị xã N, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: Ông Nguyễn Phong H, sinh năm 1995. Địa chỉ: phường GN, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

\* Bị đơn: Bà Dương Thị D (tên gọi khác: B), sinh năm 1962. Địa chỉ: xã SN, thị xã N, Khánh Hòa.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng: Biểu quyết 3/3 thống nhất áp dụng các điều luật sau:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về các vấn đề giải quyết vụ án: Biểu quyết 3/3 thống nhất:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Dương Thị D phải trả cho bà Hàn T 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

3. Các vấn đề khác: Biểu quyết 3/3 thống nhất những vấn đề sau:

**\* Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005094 ngày 03/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

**\* Quy định:** Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ ..... cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**